

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ VÀ THƯƠNG MẠI
DẦU KHÍ BÌNH SƠN**

Số: /BSPPT-KD&MKT

V/v chào bán sản phẩm
PP Dung Quất tháng 7/2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Quý Công ty/Khách hàng

Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn (BSPPT) gửi lời chào trân trọng đến Quý Công ty.

Hiện BSPPT có nhu cầu chào bán sản phẩm PP Dung Quất với nội dung cụ thể như sau:

1. Thời gian, chủng loại và khối lượng chào bán:

Stt	Khối lượng chào bán (tấn) $\pm 5\%$	Chủng loại	Thời gian giao hàng dự kiến	Ghi chú
1	300	T3034	Tháng 7/2026	Khách hàng có thể chào mua nguyên lô hoặc một phần khối lượng, nhưng không thấp hơn 50 tấn.

2. Công thức giá bán: $P = (ICIS\ CFR\ S.E.A + Pre) \times (1 + \%GTGT) \times \text{Tỷ giá (VNĐ)}$.

Trong đó: Pre là mức phụ phí do khách hàng chào mua.

3. Địa điểm giao hàng: FCA kho nhà máy PP Dung Quất (Incoterms 2020).

4. Hiệu lực của chào giá: Tối thiểu 15 ngày làm việc kể từ ngày ký chào giá

5. Các điều kiện khác: Như Hợp đồng mẫu đính kèm.

Lưu ý: BSPPT có quyền từ chối không bán lô hàng này nếu giá chào mua không đáp ứng yêu cầu của BSPPT.

Bằng công văn này, BSPPT xin thông báo và kính đề nghị Quý Công ty đề xuất khối lượng và Premium chào mua sản phẩm PP với các điều kiện như trên tại biểu mẫu công văn chào giá đính kèm. Chào giá được gửi về địa chỉ email PPproduct@bsppt.com.vn (Chào giá được gửi qua email phải ở dạng pdf và được bảo mật bằng mật khẩu. Người mua sẽ phải cung cấp mật khẩu cho Tổ đánh giá chào mua của BSPPT theo yêu cầu của Tổ sau thời gian nhận chào giá theo quy định) hoặc gửi vào số fax bảo mật của BSPPT 0255. 3612468.

Rất mong nhận được phúc đáp của Quý Công ty trước 14h00 ngày 22/7/2026. Nếu Quý Công ty gửi sau thời gian trên, chào giá của Quý Công ty sẽ không được xem xét.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: KD&MKT, TĐP.

GIÁM ĐỐC

Phan Quốc Toàn

MẪU CÔNG VĂN CHÀO MUA HÀNG

Kính gửi: Công ty cổ phần Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn (BSPPT)

Sau khi nghiên cứu công văn sốngàycủa Quý Công ty [điền số của công văn] mà chúng tôi đã nhận được. Chúng tôi đăng ký mua sản phẩm PP Dung Quất tháng 7/2026, với các nội dung sau:

STT	CHỦNG LOẠI	KHỐI LƯỢNG CHÀO MUA (TẤN) ± 5%	PRE CHÀO MUA (USD/TẤN)	GHI CHÚ
1	T3034	[Khách hàng điền khối lượng chào mua]	[Khách hàng điền Pre chào mua]	

Đại diện hợp pháp của khách hàng tham gia chào giá

(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(DỰ THẢO) HỢP ĐỒNG MUA BÁN SẢN PHẨM POLYPROPYLENE
DUNG QUẤT NĂM 2026

Số:/HĐMB-2026/BSPT-.....

- ❖ Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015 và các sửa đổi bổ sung, hướng dẫn liên quan;
- ❖ Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 06 năm 2005 và các sửa đổi bổ sung, hướng dẫn liên quan;
- ❖ Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai Bên.

Hôm nay, ngày tháng ... năm 2026, chúng tôi gồm có:

BÊN A (Bên bán) : CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ BÌNH SƠN (BSPT)

Trụ sở chính : Thôn Phước Hoà - xã Vạn Tường - tỉnh Quảng Ngãi - Việt Nam.

Điện thoại : 0255. 3612 468 Fax: 0255. 3612 469

Tài khoản : 0571002345678 tại Ngân hàng Vietcombank - CN Dung Quất.

: 5730.267.777 tại Ngân hàng TMCP BIDV - CN Dung Quất.

: 112000073250 tại Ngân hàng Vietinbank - CN Quảng Ngãi.

Mã số thuế : 4300429492

Đại diện pháp nhân : **Ông PHAN QUỐC TOÀN** Chức vụ: **Giám đốc**

BÊN B (Bên mua) :

Trụ sở chính :

Tài khoản :

Mã số thuế :

Đại diện pháp nhân : Chức vụ:

Sau khi thỏa thuận, hai Bên thống nhất ký Hợp đồng mua bán Polypropylene (PP) Dung Quất năm 2026 với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý bán và Bên B đồng ý mua sản phẩm hạt nhựa Polypropylene (PP) được sản xuất tại Nhà máy PP Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là HÀNG HOÁ) với khối lượng và tiêu chuẩn hạt nhựa như sau:

1.1 Khối lượng, chủng loại và thời gian giao nhận hàng:

Thời hạn giao/ nhận hàng tháng	Từ ngày 01-15 hàng tháng	Từ ngày 16-cuối tháng	Tổng
Khối lượng min (tấn/tháng) ($\pm 5\%$)			
Chủng loại			

***Ghi chú:**

- Khối lượng giao nhận và thanh toán thực tế dựa vào Phiếu xuất kho thành phẩm.

1.2 Tiêu chuẩn chất lượng

POLYPROPYLEN - LOẠI BĂNG DẢI - BSR T3034 - FLAT YARN (RAFFIA)

TT No.	Tên chỉ tiêu <i>Test</i>	Phương pháp <i>Method</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Mức chất lượng <i>Results</i>
1	Chỉ số dòng nóng chảy / <i>Melt Index</i> (230°C/2,160 kg)	ASTM D 1238	g/10 phút (g/10 min.)	2,80 - 4,2
2	Hệ số đẳng cấu / <i>Isotactic Index</i>	PP-F-107	% khối lượng (mass %)	$\geq 96,0$
3	Độ trắng / <i>Whiteness</i>	PP-F-127-3	/	≥ 60
4	Mật độ khối / <i>Bulk density</i>	PP-F-103	kg/m ³	Báo cáo
5	Hàm lượng bay hơi / <i>Volatile loss</i>	PP-F-115	%	$\leq 0,2$
6	Hình dạng / <i>Appearance</i>	QAC-WI- PP000-015	/	
	Điểm đen / <i>Black spot</i>		cái/kg (ea/kg)	Báo cáo
	Hạt khác màu / <i>DC pellet</i>		cái/kg (ea/kg)	Báo cáo
	Hạt chùm lớn / <i>Large sticking pellet</i>		cái/kg (ea/kg)	Báo cáo
	Hạt chùm nhỏ / <i>Small sticking pellet</i>		cái/kg (ea/kg)	Báo cáo
	Hạt có đuôi / <i>Whisker</i>		cái/kg (ea/kg)	Báo cáo
	Tóc tiên / <i>Angel hair</i>		cái/kg (ea/kg)	Báo cáo
	Da rắn / <i>Snake-skin</i>		cái/kg (ea/kg)	Báo cáo
	Vật lạ / <i>Foreign matter</i>		cái/kg (ea/kg)	Báo cáo

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1 Công thức giá:

$$P = (\text{ICIS CFR S.E.A} + \text{Pre}) \times (1 + \% \text{GTGT}) \times \text{Tỷ giá (VNĐ)}$$

Trong đó:

- P: là đơn giá bán cho một tấn PP tại kho Nhà máy PP Dung Quất theo điều kiện giao nhận FCA kho nhà máy PP Dung Quất (Incoterms 2010) (VNĐ).
- ICIS CFR S.E.A: là giá ICIS CFR S.E.A (dutiabable*) và được hiểu là Giá trung bình trong 03 tuần của giá Polypropylene Homo CFR về các cảng Đông Nam Á theo thống kê của ICIS-LORR: 01 tuần trước tuần của ngày phát hành Phiếu xuất kho, tuần phát hành Phiếu xuất kho và 01 tuần sau tuần của ngày phát hành Phiếu xuất kho. Giá tuần được hiểu là giá bình quân của mức giá thấp nhất và cao nhất theo công bố của ICIS-LORR. Giá ICIS CFR S.E.A (dutiabable*) được công bố tại Tạp chí ICIS LORR cho từng loại sản phẩm PP. Trong trường hợp tuần xuất hàng, ICIS không công bố đủ giá 03 tuần, các tuần xuất hàng liên quan đến tuần không có bản tin giá sẽ chỉ lấy giá bình quân của hai tuần.
- Pre:(Bằng chữ:đô la Mỹ/tấn)
- GTGT: Là thuế suất thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Tỷ giá: Là tỷ giá USD/VND bán ra (tỷ giá cuối ngày) của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố vào ngày có đủ giá tính cho lô hàng.

Tỷ giá tại ngày nghỉ: Trường hợp ngày đủ giá là ngày nghỉ thứ nhất của kỳ nghỉ bất kỳ thì tỷ giá được lấy là tỷ giá của ngày mở cửa liền kề trước đó của ngân hàng. Nếu ngày có giá là ngày nghỉ thứ hai trở đi thì tỷ giá được lấy là tỷ giá của ngày mở cửa đầu tiên tiếp theo của ngân hàng. Trong trường hợp ngày nghỉ Lễ chỉ có một ngày thì tỷ giá lấy ngày mở cửa trước đó của ngân hàng.

2.2 Cam kết thực hiện Hợp đồng: Bên B có quyền áp dụng 01 trong 03 phương án sau

Phương án 1: Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng

Trước ngày giao nhận chuyên HÀNG đầu tiên, Bên mua cung cấp cho Bên bán bản gốc Bảo lãnh thực hiện hợp đồng do Ngân hàng phát hành. Bên bán chấp thuận bảo lãnh thực hiện hợp đồng được phát hành bởi một trong các ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV, các ngân hàng khác nằm ngoài danh sách phải được sự xem xét, chấp thuận của Bên bán. Giá trị bảo lãnh thực hiện hợp đồng có giá trị được tính bằng 10% (mười phần trăm) khối lượng HÀNG nhận của một tháng nhân với đơn giá HÀNG xác định tại thời điểm mở bảo lãnh (giá bình quân của 3 tuần trước tuần thực hiện mở bảo lãnh). Bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực đến hết ngày 28/02/2027. Mọi chi phí liên quan tới bảo lãnh Ngân hàng do Bên mua chịu. Trường hợp Bên B nhận hàng không đúng theo nội dung công văn thông báo của Bên A và/hoặc không thanh toán theo đúng quy định của Hợp đồng thì Bên A có quyền sử dụng giá trị bảo lãnh của Bên B để bù đắp các thiệt hại của Bên A.

Phương án 2: Cọc thực hiện Hợp đồng

Ngay sau khi Hợp đồng được ký kết, Bên B có trách nhiệm đặt cọc với giá trị cọc được tính bằng 10% (mười phần trăm) khối lượng HÀNG nhận bình quân của một tháng nhân với đơn giá HÀNG xác định tại thời điểm cọc.

Giá trị này Bên A chuyển trả lại cho Bên B sau khi kết thúc Hợp đồng và Bên B hoàn thành các nghĩa vụ quy định trong Hợp đồng. Trường hợp Bên B nhận hàng không đúng theo nội dung công văn thông báo của Bên A và/hoặc không thanh toán theo đúng quy định của Hợp đồng thì Bên A có quyền sử dụng số tiền đặt cọc của Bên B để bù đắp các thiệt hại của Bên A.

2.3 Phương thức thanh toán: Bên B có quyền áp dụng 01 trong 02 phương án sau

- **Phương án 1:** Thanh toán trước khi nhận hàng
 - + Bên B thanh toán trước cho Bên A giá trị tạm tính lô hàng trước khi nhận hàng căn cứ vào thông báo giao hàng của Bên A (đơn giá tạm tính sẽ được tính bằng 105% (một trăm lẻ năm phần trăm) khối lượng hàng nhận nhân với đơn giá ICIS CFR S.E.A (dutiabable*) của tuần trước tuần Bên A có thông báo giao nhận hàng cho Bên B, mức giá này đã bao gồm thuế VAT).
 - + Trường hợp giá trị thực tế của lô hàng cao hơn giá trị tạm tính thì Bên B sẽ thực hiện thanh toán bổ sung cho Bên A và ngược lại nếu giá trị thực tế của lô hàng thấp hơn so với giá trị tạm tính thì Bên A sẽ hoàn trả lại số tiền chênh lệch cho Bên B. Thời gian thanh toán phần chênh lệch trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày có đủ giá.
- **Phương án 2:** Thư tín dụng nội địa (L/C)
 - + Trước một ngày cuối cùng nhận hàng theo công văn nhận hàng được Bên A thông báo, Bên B phải cung cấp cho Bên A thư tín dụng nội địa (L/C) cho toàn bộ lô hàng theo mẫu được phát hành bởi một trong các ngân hàng Vietcombank, BIDV, VietinBank, các ngân hàng khác phải được sự xem xét, chấp thuận của Bên A. Mọi chi phí liên quan đến L/C do Bên B chịu, kể cả chi phí bất đồng bộ chứng từ.
 - + Bên B phát hành L/C cho khối lượng hàng nhận của từng đợt giao hàng, giá trị L/C được tính bằng 105% (một trăm lẻ năm phần trăm) khối lượng hàng nhận nhân với đơn giá hàng xác định theo thông báo kế hoạch xuất bán đã được xác nhận của Bên B. Hiệu lực của L/C có thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận hàng muộn nhất của L/C.
 - + Chứng từ thanh toán chênh lệch dung sai +/-5% (năm phần trăm) về khối lượng so với L/C được chấp nhận.
 - + Tên của các chứng từ xuất trình không giống hệt như quy định của L/C nhưng vẫn phản ánh đầy đủ nội dung của loại chứng từ yêu cầu xuất trình đều được chấp nhận.
 - + Hoá đơn thể hiện những nội dung sau: tên người bán, mã số thuế của người bán, khối lượng hàng theo phiếu xuất kho, trị giá hoá đơn, phương thức thanh toán L/C. Các nội dung khác không thể hiện đầy đủ như trong Hợp đồng được chấp thuận.
 - + Các chứng từ thể hiện khối lượng hàng hoá bằng KG hoặc TẤN đều được chấp thuận.
 - + Bên B có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên A trong vòng (.....) ngày lịch kể từ ngày Bên B ký vào Phiếu xuất kho của Bên A.

- + Trong trường hợp tổng giá trị của lô hàng khác so với giá trị của L/C thì việc thanh toán giá trị cho lô hàng căn cứ vào hóa đơn do Bên A phát hành.
 - + Trường hợp Bên B cung cấp cho Bên A L/C nội địa không đúng hạn theo yêu cầu như quy định của Hợp đồng, Bên A có quyền dời ngày giao HÀNG dự kiến cho Bên B đến khi nhận được L/C nội địa của Bên B và không phải chịu bất cứ khoản phạt nào từ Bên B về việc chậm giao HÀNG này. Đồng thời, Bên B phải chịu các khoản phạt vi phạm và bồi thường vi phạm Hợp đồng như quy định tại HỢP ĐỒNG.
 - + Trường hợp ngày thanh toán rơi vào ngày thứ Bảy, Chủ Nhật và kỳ nghỉ lễ, nghỉ Tết thì việc thanh toán sẽ được thực hiện vào ngày làm việc liền kề trước đó.
 - + Trị giá thanh toán được quy đổi theo tỷ giá USD/VNĐ bán ra của Ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam công bố tại thời điểm có đủ giá để Bên A phát hành hóa đơn giá trị gia tăng cho Bên B.
- **Phương án 3: Mở bảo lãnh thanh toán**
- + Trong vòng 05 (năm) ngày trước ngày giao nhận hàng, Bên B cung cấp cho Bên A bản gốc Bảo lãnh thanh toán do Ngân hàng phát hành, ưu tiên sử dụng các ngân hàng có công cụ xác thực bảo lãnh trực tuyến, các ngân hàng khác phải được sự xem xét, chấp thuận của Bên A. Giá trị bảo lãnh thanh toán được tính bằng 105% (một trăm lẻ năm phần trăm) khối lượng hàng nhận nhân với đơn giá hàng xác định theo thông báo kế hoạch xuất bán đã được xác nhận của Bên B. Bảo lãnh Ngân hàng phải có hiệu lực đến hết ngày 28/02/2027. Mọi chi phí liên quan tới bảo lãnh Ngân hàng do Bên B chịu.
 - + Trường hợp giá trị hàng lấy vượt quá giá trị thư bảo lãnh, Bên B phải thanh toán hoặc tu chỉnh bảo lãnh trước khi giao nhận hàng.
 - + Trong trường hợp giá PP biến động (tăng trên 10% của giá trị bảo lãnh thanh toán) thì Bên B phải tu chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng giá trị bảo lãnh thanh toán đã mở.
 - + Bên B có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên A trong vòng (...) ngày lịch kể từ ngày Bên B ký vào Phiếu xuất kho của Bên A. Phiếu xuất kho này được coi là chứng từ để Bên A làm căn cứ yêu cầu Ngân hàng phát hành bảo lãnh thanh toán thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Bên A (Bên nhận bảo lãnh) cho lô hàng đó trong trường hợp Bên B vẫn không nhận hàng sau khi hàng được đưa về kho Bên A vượt quá thời gian 40 (bốn mươi) ngày lịch.
 - + Trường hợp Bên B không thanh toán cho Bên A đúng ngày đáo hạn như quy định, Bên A có quyền yêu cầu Ngân hàng bảo lãnh của Bên B thanh toán toàn bộ giá trị các chuyển hàng đã nhận phù hợp với nội dung thư bảo lãnh.
 - + Trường hợp ngày thanh toán rơi vào ngày thứ Bảy, Chủ Nhật và kỳ nghỉ lễ, nghỉ Tết thì việc thanh toán sẽ được thực hiện vào ngày làm việc liền kề trước đó.

- + Bên B thanh toán cho Bên A bằng Đồng Việt Nam theo hình thức chuyển khoản 100%.

2.4 Phát hành hóa đơn

Hóa đơn giá trị gia tăng sẽ được Bên bán phát hành cho Bên mua sau mỗi tuần giao hàng (sau khi có đủ giá của tuần giao hàng) theo số lượng hàng thực tế Bên mua đã nhận (tuần giao hàng được tính từ Chủ nhật đến thứ Bảy) trên cơ sở số lượng hàng giao nhận mỗi tuần căn cứ theo Phiếu xuất kho của Bên bán;

Đối với các lô hàng xuất trong tháng có đủ giá trong tháng sau, cách xác định giá, tỷ giá đề xuất hóa đơn tạm tính được thực hiện như sau:

- Xác định giá: Giá ICIS tạm tính đề xuất hóa đơn được lấy giá trung bình của 3 tuần hoặc 2 tuần có đủ giá gần nhất trước ngày xuất hóa đơn tạm tính.
- Xác định tỷ giá: Tỷ giá lấy tại ngày có đủ giá tạm tính.
- Xuất hóa đơn: Tại thời điểm cuối tháng hoặc ngày làm việc đầu tiên của tháng sau, Bên Bán xuất hóa đơn tạm tính giá trị của lô hàng cho Bên Mua. Tại ngày đủ giá của lô hàng (xác định được giá ICIS và tỷ giá chính thức theo quy định của hợp đồng), Bên Bán xuất hóa đơn điều chỉnh tiền hàng của các lô hàng đã xuất hóa đơn tạm tính trên cơ sở Biên bản điều chỉnh hóa đơn xác định chênh lệch giữa giá trị thực tế và giá trị tạm tính của lô hàng.

2.5 Bộ hồ sơ chứng từ thanh toán

2.5.1 Hồ sơ cung cấp cho Bên B

Bên A có trách nhiệm chuyển bộ hồ sơ thanh toán cho Bên B trong vòng 05 (năm) ngày lịch làm việc kể từ ngày có giá. Trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày nhận được chứng từ nếu Bên B không có ý kiến phản hồi thì hóa đơn coi như đã được chấp nhận. Bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Công văn đề nghị thanh toán sử dụng chữ ký điện tử hoặc chữ ký trực tiếp (bản gốc/ bản sao);
- Hóa đơn điện tử do Bên A phát hành (bản sao).

2.5.2 Hồ sơ thanh toán L/C nội địa bao gồm:

- Công văn đề nghị thanh toán sử dụng chữ ký điện tử hoặc chữ ký trực tiếp (bản gốc/ bản sao);
- Hóa đơn điện tử do Bên A phát hành (bản sao);
- Phiếu xuất kho (sử dụng chữ ký điện tử hoặc chữ ký trực tiếp và đóng dấu bởi Bên bán hàng).

ĐIỀU 3: HÀNG HOÁ, BAO BÌ VÀ ĐÓNG GÓI

ĐIỀU 3: HÀNG HOÁ, BAO BÌ VÀ ĐÓNG GÓI

3.1 Hàng hoá

- 3.1.1 Bên A cung cấp cho Bên B sản phẩm PP được sản xuất tại Nhà máy PP Dung Quất.

3.1.2 Bên A đảm bảo cung cấp Hàng hoá đúng chất lượng theo tiêu chuẩn chất lượng cơ sở do nhà máy PP Dung Quất công bố, phù hợp với các quy định về quản lý chất lượng và luật pháp Việt Nam.

3.2 Bao bì & Đóng gói

3.2.1 Sản phẩm được đóng gói 25kg/bao với dung sai theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất thiết bị công nghệ, tiêu chuẩn bao bì và mẫu mã do nhà máy PP Dung Quất quy định.

3.2.2 Hàng hoá do Bên A cung cấp cho Bên B phải kèm theo: Phiếu xuất kho (01 bản gốc), tài liệu chứng nhận chất lượng sản phẩm (01 bản scan); Các sản phẩm khuyến mãi của Bên A (nếu có); Các giấy tờ cần thiết khác (nếu có).

3.2.3 Biên bản giao nhận Hàng hoá giữa hai Bên sẽ được Bên A chuyển cho Bên B khi kết thúc Lô nhận hàng.

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A

4.1 Quyền của Bên A

4.1.1 Có quyền từ chối các phương tiện/nhân lực nhận Hàng hoá của Bên B không đảm bảo an toàn theo các quy định của Bên A.

4.1.2 Trong trường hợp Nhà máy PP Dung Quất gặp sự cố kỹ thuật, hay trường hợp phải ngừng Nhà máy thì Bên A không có trách nhiệm phải bổ sung nguồn hàng bị thiếu theo Hợp đồng.

4.1.3 Trong trường hợp nhà máy PP Dung Quất đánh giá những chủng loại PP khác phù hợp với cấu hình sản xuất của nhà máy PP Dung Quất mang lại hiệu quả cao hơn cho nhà máy PP Dung Quất và Bên B cũng như phù hợp với nhu cầu nội địa, Bên A và Bên B sẽ đàm phán lại giá và khối lượng của chủng loại PP này.

4.1.4 Trong trường hợp Bên B chậm/hủy nhận hàng theo kế hoạch hàng tháng, Bên A có quyền xem xét điều chỉnh giảm tương ứng lượng hàng nhận theo kế hoạch của Hợp đồng ở tháng/Quý sau.

4.2 Trách nhiệm của Bên A

4.2.1 Đảm bảo cung cấp hàng hoá đúng chủng loại, chất lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật công bố của nhà máy PP Dung Quất.

4.2.2 Cập nhật cho Bên B các thông tin về sản phẩm; Hỗ trợ tư vấn kỹ thuật cho Bên B về sản phẩm PP do Nhà máy PP Dung Quất sản xuất.

4.2.3 Khi Nhà máy gặp sự cố phải dừng sản xuất, chậm nhất 02 ngày làm việc Bên bán phải thông báo bằng văn bản cho Bên mua.

4.2.4 Bên A cung cấp cho Bên B chứng nhận nguồn gốc Hàng hoá (CO/CQ) nếu Bên B yêu cầu.

ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B

5.1 Quyền của Bên B

5.1.1 Được quyền quyết định giá bán cho Bên thứ 3 sản phẩm hạt nhựa PP Dung Quất do Bên A cung cấp.

5.2 Trách nhiệm của Bên B

- 5.2.1 Bên B đảm bảo có đủ khả năng và điều kiện kinh doanh theo pháp luật Việt Nam và tuân thủ các điều khoản được quy định tại Hợp đồng này.
- 5.2.2 Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý, lưu trữ và lưu thông hàng hoá. Bên A không chịu trách nhiệm về các vi phạm pháp luật này của Bên B (nếu có).
- 5.2.3 Tự tổ chức phân phối bán Hàng hoá tại các điểm bán hàng của Bên B phù hợp với giấy phép đăng ký kinh doanh theo quy định.
- 5.2.4 Khi nhận Hàng hoá của Bên A, Bên B có quyền kiểm tra Hàng hoá. Nếu phát hiện Hàng hoá được giao không đúng tiêu chuẩn, chất lượng, số lượng thì Bên B lập biên bản và thông báo lại với Bên A và Bên B có quyền từ chối nhận Hàng hoá không đúng quy cách, chất lượng.
- 5.2.5 Ký và xác nhận công nợ với Bên A. Mọi thắc mắc phản hồi về công nợ phải được gửi bằng văn bản cho Bên A trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Bên A gửi bản xác nhận công nợ cho Bên B, nếu hết thời gian này mà Bên A vẫn không nhận được phản hồi từ Bên B thì đương nhiên Bên B chấp nhận số liệu do Bên A cung cấp. Nếu Bên B không ký xác nhận công nợ thì Bên A có quyền ngừng việc cung cấp hàng cho đến khi giải quyết xong công nợ phát sinh, ngoại trừ trường hợp Bên B không ký xác nhận công nợ xuất phát từ lỗi của Bên A.
- 5.2.6 Tự mua bảo hiểm và chịu mọi rủi ro về Hàng hoá từ khi Hàng hoá được giao lên phương tiện của Bên B tại kho nhà máy PP Dung Quất.
- 5.2.7 Tự chịu trách nhiệm giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến Bên thứ 3 trong quá trình phân phối của Bên B.
- 5.2.8 Tuân thủ các quy định về nhận Hàng hoá, an toàn phòng cháy chữa cháy của Bên A trong quá trình nhận Hàng hoá và chịu trách nhiệm đối với các thiệt hại gây ra do lỗi của Bên B.
- 5.2.9 Trong trường hợp Nhà máy PP Dung Quất gặp sự cố kỹ thuật, trường hợp phải ngừng Nhà máy thì Bên B có trách nhiệm tự thu xếp nguồn hàng bằng chi phí của mình.
- 5.2.10 Bên B chịu trách nhiệm tiêu thụ hết số lượng hàng hóa mà Bên B đã cam kết nhận theo kế hoạch nhận hàng được 02 bên thỏa thuận. Trong trường hợp Bên B không nhận hàng hóa theo quy định của Hợp đồng, ngoài quy định tại Khoản 2.2 - Điều 2 thì Bên A có quyền phạt Bên B khoản tiền tương đương 08% (tám phần trăm) giá trị chuyển hàng không nhận.
- 5.2.11 Bên B chịu trách nhiệm giải phóng hàng hóa khỏi kho Nhà máy PP Dung Quất không để ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất của Nhà máy theo kế hoạch đã được bên A thông báo, nếu không Bên B phải bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh trực tiếp gây ra cho Bên A.

ĐIỀU 6: GIAO NHẬN VÀ PHÂN CHIA RỦI RO GIỮA HAI BÊN

- 6.1 Bên A giao Hàng hoá lên phương tiện của Bên B tại kho Nhà máy PP Dung Quất. Bên B chỉ điều động phương tiện xe somi romooc, loại xe thót vào nhận hàng tại kho Nhà máy PP Dung Quất.

- 6.2 Chi phí bốc xếp Hàng hoá lên phương tiện của Bên B do Bên A chịu.
- 6.3 Số lượng, chủng loại các mặt hàng cụ thể được Bên A giao cho Bên B của từng lần giao Hàng hoá căn cứ vào lệnh giao hàng, phiếu xuất kho của Bên A.
- 6.4 Bên A sẽ thông báo cho Bên B lịch xuất hàng bao gồm chi tiết số lượng, chủng loại sản phẩm dự kiến (nếu có).
- 6.5 Quyền sở hữu và rủi ro về Hàng hoá sẽ chuyển từ Bên A sang cho Bên B từ khi Hàng hoá được bốc lên phương tiện Bên B tại kho Nhà máy PP Dung Quất.
- 6.6 Bên B không được phép tháo dỡ pallet chứa hàng trong khuôn viên kho Nhà máy PP Dung Quất để đảm bảo an ninh, an toàn của kho Nhà máy PP Dung Quất.
- 6.7 Mọi khiếu nại về chất lượng Hàng hoá chỉ được chấp thuận giải quyết nếu khiếu nại trong vòng 30 (ba mươi) ngày lịch kể từ ngày ký Biên bản giao nhận hàng. Trong trường hợp phát sinh khiếu nại về chất lượng, đại diện hai Bên thống nhất gửi mẫu (Bên B phải chứng minh đó là mẫu do Bên A cung cấp) cho Bên giám định thứ 3 được hai Bên thống nhất, kết quả giám định của cơ quan này là cơ sở duy nhất để giải quyết tranh chấp giữa hai Bên. Mọi chi phí liên quan đến việc phát sinh khiếu nại sẽ do Bên có lỗi chịu.
- 6.8 Tuân thủ các nội quy, quy định về an toàn, sức khỏe, môi trường, an ninh và phòng cháy chữa cháy (AT-SK-MT & PCCC) của Bên bán trong quá trình nhận hàng. Trong trường hợp nhân sự của Bên mua vi phạm quy định về AT-SK-MT & PCCC phải chấp hành hình thức, mức độ xử phạt quy định tại Quy trình quản lý an toàn nhà thầu hiện hành của Bên bán.
- 6.9 Khối lượng giao nhận giữa hai Bên có thể chấp nhận dung sai (tolerance) +/- 5%. Tuy nhiên, khối lượng để thanh toán là khối lượng Hàng hoá giao nhận thực tế giữa hai Bên.

ĐIỀU 7: BẤT KHẢ KHÁNG

- 7.1 Không Bên nào sẽ chịu trách nhiệm cho bất cứ sự chậm trễ hay vi phạm nào trong việc thực hiện bất cứ phần nào của bản Hợp đồng này trong trường hợp những chậm trễ hay vi phạm đó gây ra bởi cháy nổ, bảo lụt, chiến tranh, cấm vận, yêu cầu của chính phủ, quân đội, thiên tai, hay các nguyên nhân khác tương tự vượt khỏi tầm kiểm soát của mỗi Bên và không có lỗi hay cẩu thả của Bên chậm trễ hay vi phạm.
- 7.2 Bên chịu ảnh hưởng sẽ thông báo cho Bên kia bằng văn bản trong 10 (mười) ngày sau khi bất cứ nguyên nhân nào kể trên bắt đầu tác động lên việc thực hiện. Mặc dù vậy, nếu việc thực thi Hợp đồng của một Bên bị chậm trễ trong thời hạn quá 30 (ba mươi) ngày từ ngày Bên kia nhận được thông báo theo điều khoản này, Bên không bị ảnh hưởng sẽ có quyền, không có bất cứ trách nhiệm nào với Bên kia, chấm dứt bản Hợp đồng này.
- 7.3 Bất khả kháng phải được cơ quan có thẩm quyền xác nhận và giải quyết theo luật hiện hành.

ĐIỀU 8: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 8.1 Trong trường hợp xảy ra tranh chấp, hai Bên sẽ cố gắng cùng nhau bàn bạc tìm

phương án giải quyết trên tinh thần hoà giải, bình đẳng và cùng có lợi.

- 8.2 Trường hợp hai Bên không giải quyết bằng thương lượng được thì Bên sẽ đưa vụ việc đến giải quyết tại Toà án tỉnh Quảng Ngãi. Quyết định của Toà án mang tính chung thẩm và buộc hai Bên có nghĩa vụ phải thi hành. Án phí sẽ do bên thua chịu. Trong thời gian chờ quyết định của Toà án, hai Bên vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo quy định của Hợp đồng này.

ĐIỀU 9: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

- 9.1 Hợp đồng có thời hạn kể từ ngày ký và có hiệu lực cho đến hết ngày Sau khi hai Bên hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng này, khi đó Hợp đồng coi như được thanh lý.
- 9.2 Trong quá trình thực hiện, nếu Bên B vi phạm Hợp đồng và/hoặc không tuân thủ kế hoạch nhận hàng/thanh toán làm ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh của Bên A thì Bên A có thể đơn phương chấm dứt Hợp đồng này trước thời hạn.

ĐIỀU 10: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 10.1 Những vấn đề không quy định hoặc quy định chưa đầy đủ trong Hợp đồng này sẽ tuân thủ theo luật pháp Việt Nam hiện hành.
- 10.2 Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản của Hợp đồng này, mọi thay đổi trong Hợp đồng phải được hai Bên bàn bạc nhất trí và được lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của cả hai Bên.
- 10.3 Không Bên nào được chuyển quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này cho Bên thứ 3 nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.
- 10.4 Hai Bên cam kết bảo mật và không cung cấp bất kỳ thông tin nào liên quan đến Hợp đồng này cũng như các thông tin có liên quan cho Bên thứ 3 trừ khi nhận được yêu cầu của các cơ quan pháp luật hoặc được sự đồng ý của Bên kia.
- 10.5 Nếu có khó khăn trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, mỗi Bên phải thông báo cho Bên kia biết trong vòng 05 (năm) ngày để cùng nhau giải quyết. Bên nào cố tình chậm trễ phải chịu trách nhiệm bồi hoàn thiệt hại về kinh tế cho Bên kia theo pháp luật hiện hành.
- 10.6 Các Phụ lục của Hợp đồng này phải được ký bằng văn bản và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.
- 10.7 Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản gốc, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B